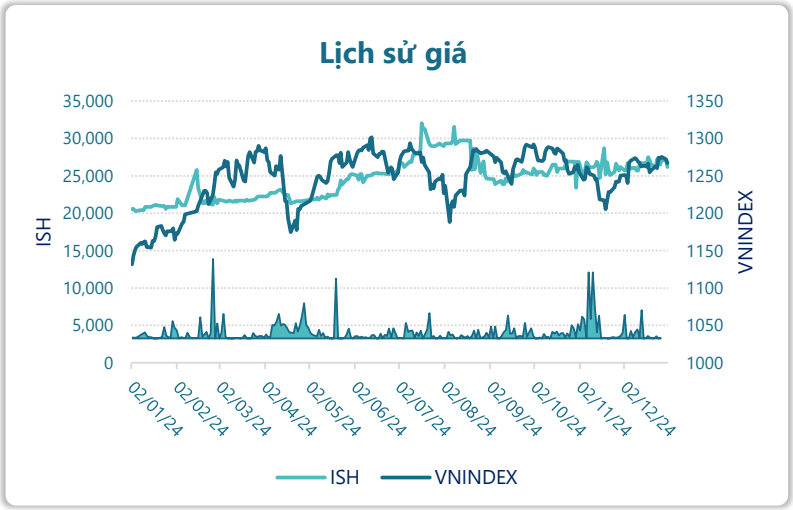
FireAnt

CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (UPCOM: ISH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,034
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,301
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,470
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,179
P/E	15.5
EPS	1,693

DT thuần

Q4/24

60.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.8| -15.2%

YoY: ▼6.50| -9.8%

LN sau thuế

Q4/24

23.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.1| -30.2%

YoY: ▲ 1.60| 7.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

48.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

2024

198

tỷ VNĐ

YoY: ▼36.0| -15.2%

LN sau thuế

2024

76.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.9| -18.1%

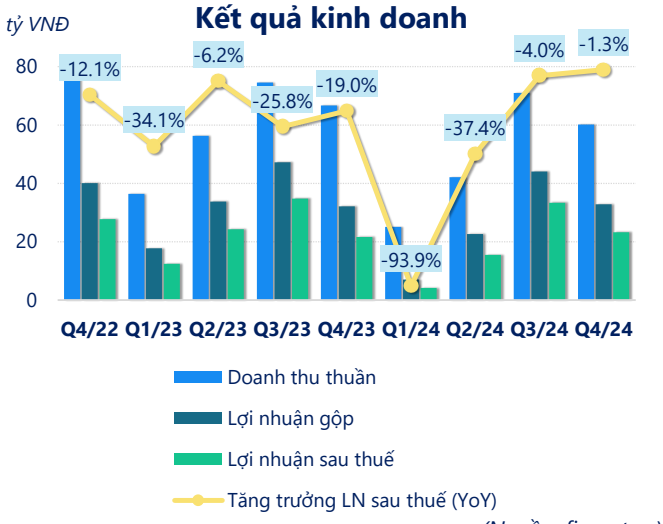
ROE

2024

12.6%

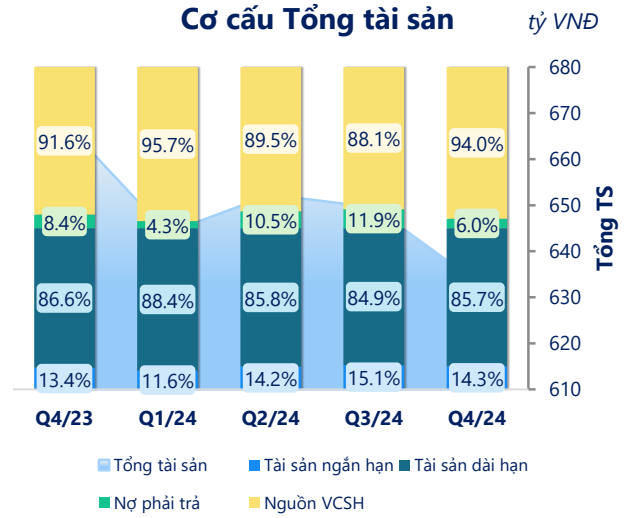
+/- YoY: ▼ 3.1%

Kết quả kinh doanh



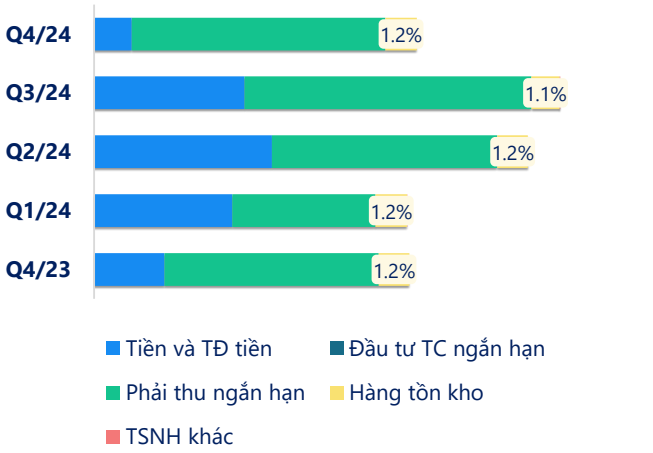
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



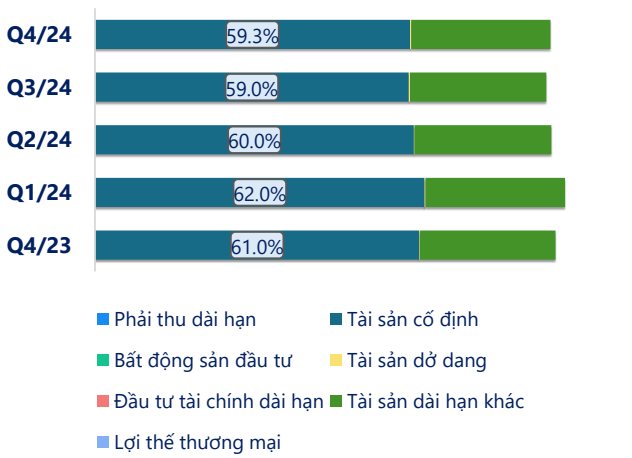
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



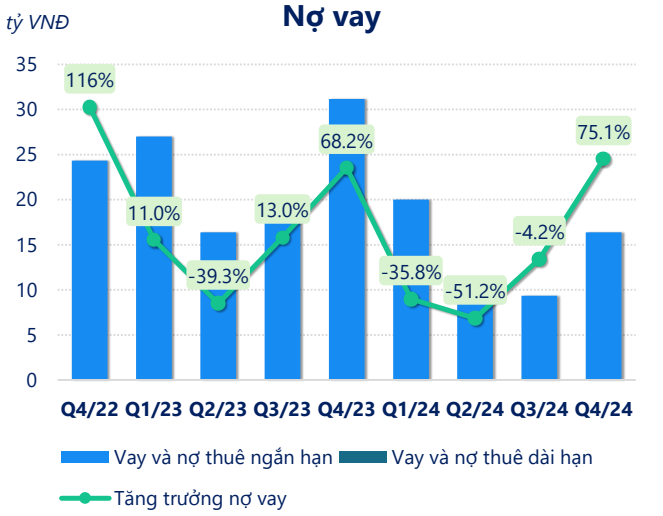
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



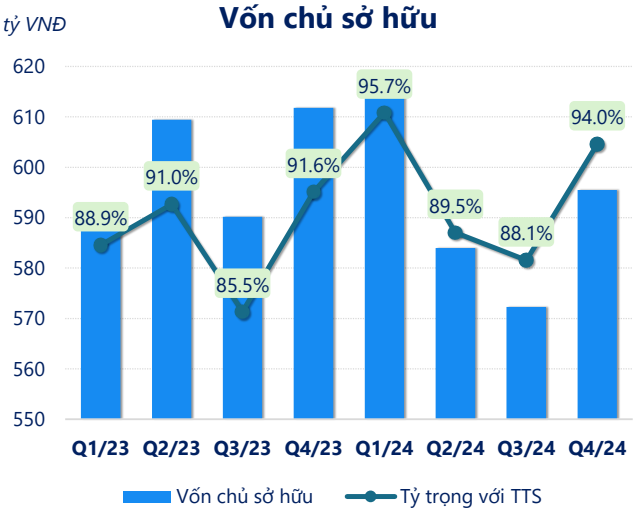
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



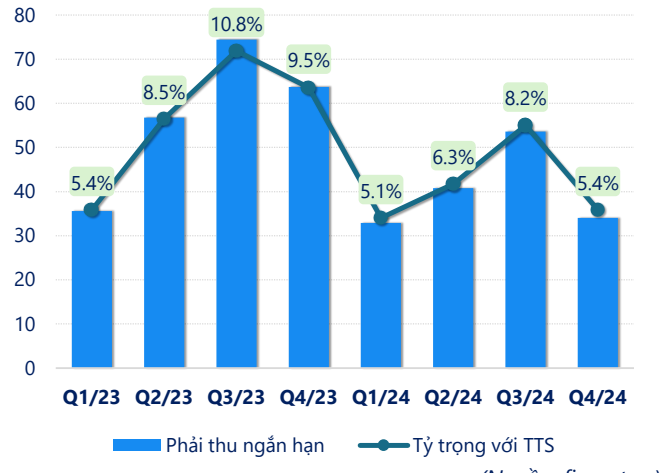
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



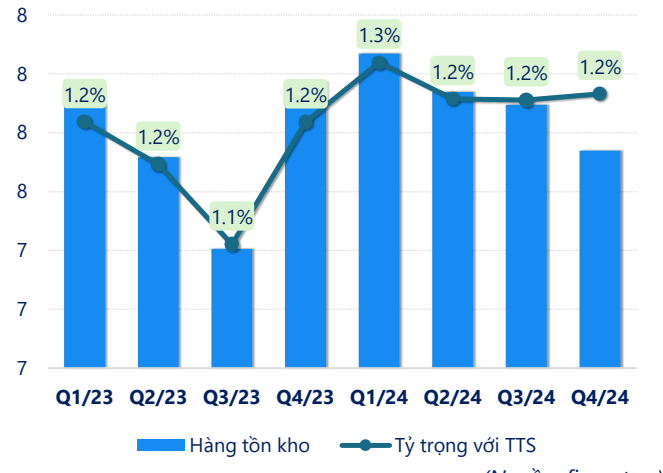
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



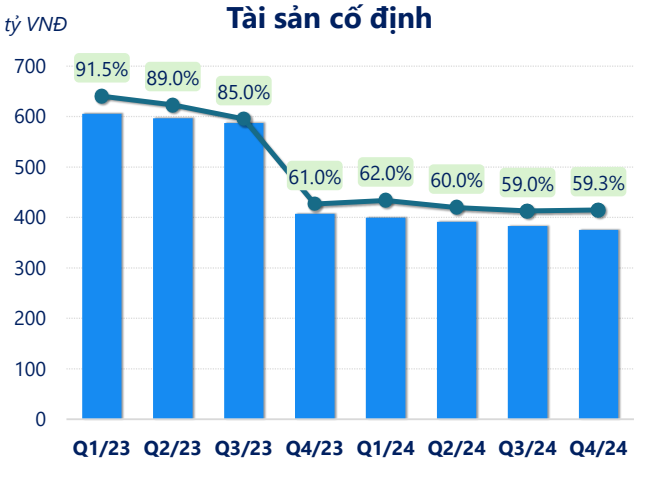
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



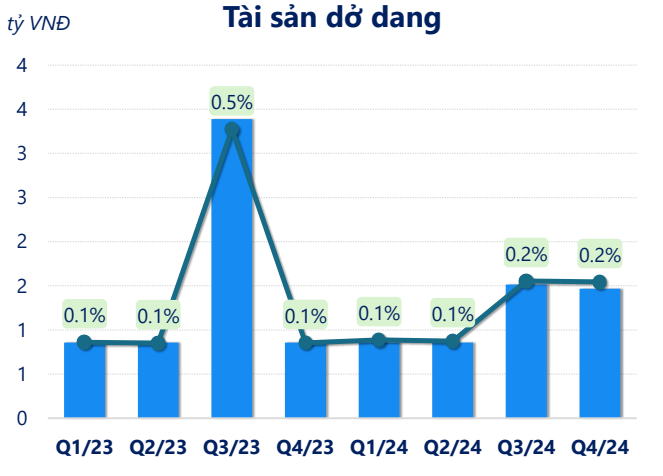
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



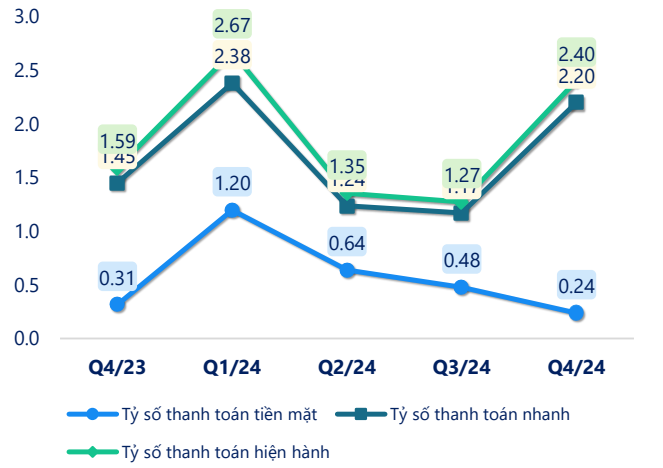
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



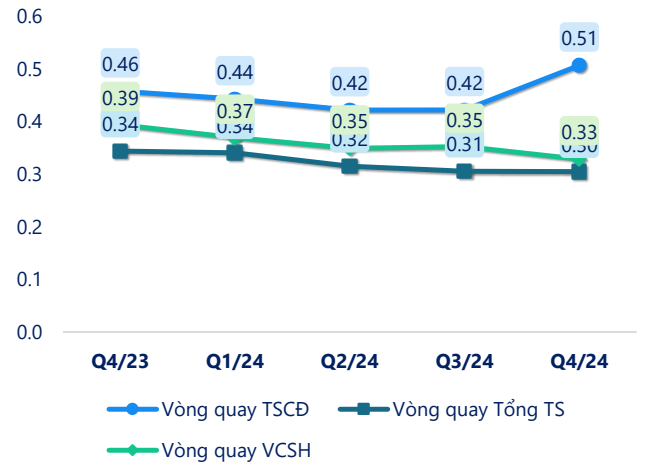
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**668**	**644**	**652**	**650**	**633**
Tài sản ngắn hạn	**89.3**	**74.7**	**92.4**	**98.2**	**90.8**
Tiền và tương đương tiền	17.6	33.5	43.6	36.8	8.95
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	40.0
Phải thu ngắn hạn	63.7	32.9	40.8	53.6	34.1
Hàng tồn kho	7.97	8.07	7.94	7.90	7.74
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.27	0	0	0.05
Tài sản dài hạn	**579**	**569**	**560**	**551**	**542**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	407	399	391	383	375
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.86	0.86	0.86	1.52	1.47
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	170	169	168	167	166
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**56.1**	**28.0**	**68.4**	**77.2**	**37.8**
Nợ ngắn hạn	**56.1**	**28.0**	**68.4**	**77.2**	**37.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.2	20.0	9.76	9.35	16.4
Phải trả người bán ngắn hạn	0.16	0.26	0.14	0.15	0.16
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**612**	**616**	**584**	**572**	**595**
Vốn chủ sở hữu	**612**	**616**	**584**	**572**	**595**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)